TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2023/DS.ST
Ngày 06 - 3 - 2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mười Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Ánh

2. Ông Lê Minh Thư

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Định

- Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Tân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa sơ thẩm).

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 206/2022/TLST- DS ngày 21 tháng 11 năm 2022, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Cẩm M**, sinh năm 1975 (có mặt). Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Chị **Lê Thị Ngọc H**, sinh năm 1983 (có mặt).

Anh **Biện Văn G**, sinh năm 1976 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ F, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1973 (có mặt); Địa chỉ: Tổ G, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

+ Anh Đào Duy H1 (B), sinh năm 1973 (xin vắng mặt). Địa chỉ: Tổ G, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2021, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 19/12/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm M trình bày: Vào năm 2016, chị Lê Thị Ngọc H hỏi mượn tiền của chị nhiều lần với tổng số tiền là 153.660.000đ, lãi suất không thỏa thuận, mục đích con cho học tiếng Đài Loan – Trung Quốc và làm các thụ tục cần thiết để kết hôn với người nước ngoài. Khi mượn tiền thì không làm biên nhận, đến ngày 15/5/2016 chị H có ghi "Giấy mượn nợ", đến nay chị H, anh G không thực hiện việc trả nợ.

Chị M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết: Buộc vợ chồng chị chị Lê Thị Ngọc H, anh Biện Văn G hoàn trả số còn nợ bằng 153.660.000đ và tiền lãi với mức lãi suất bằng 0,83%/tháng từ ngày 15/5/2016 đến ngày 15/12/2022 bằng 79 tháng, tính thành tiền là 100.754.862đ, tổng số tiền là 254.414.862đ. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

- Tại bản khai ngày 16/12/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lê Thị Ngọc H trình bày: Chị M làm chủ hụi nên chị có tham gia chơi hụi (hụi viên), chị hốt hụi nhưng không có tiền góp hụi cho chị M nên còn nợ lại số tiền 257.000.000đ, thỏa thuận trả 1.000.000đ/tháng. Tính đến ngày 15/5/2016, có đối chiếu kết sổ chị còn nợ chị M số tiền 153.660.000đ theo Giấy mượn nợ ngày15/5/2016. Vào ngày 29/9(al)/2022, ngày 29/10(al)/2022, chị Nguyễn Thị D đến nhận của chị 0 lần tiền bằng 6.000.000đ (có làm biên nhận) theo đề nghị của chị M do chị M còn nợ tiền của chị D, tính đến ngày 04/01/2023 để gửi trả chị D 9.000.000đ, do vậy chị còn nợ chị M số tiền 144.660.000đ, hiện tại không có khả năng nên đề nghị trả dần mỗi tháng bằng 3.000.000đ và không đồng ý trả lãi.

- Tại biên bản hòa giải ngày 04/01/2023, bị đơn anh Biện Văn G trình bày thống nhất ý kiến của vợ anh chị Lê Thị Ngọc H đã trình bày, anh đồng ý cùng chị H2 trả tiền còn nợ chị M bằng 144.660.000đ, hiện tại không có khả năng nên đề nghị trả dần mỗi tháng bằng 3.000.000đ và không đồng ý trả lãi.

- Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 04/01/2023, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị D trình bày: Vợ chồng chị M và anh Đào Duy H1 làm chủ hụi, chị tham gia chơi hụi (là hụi viên) các chân hụi mở ngày 30/9al/2021, ngày 05/12(al)/2020, ngày 15/5al/2022, ngày 25/01al/2022, cho hụi ngưng (không kêu và góp) giữa chừng, số tiền đã mãn hụi nhưng vợ chồng chị M, anh H1 giao chưa đủ và số tiền đã góp hụi sống (chưa nhận lại) bằng 71.420.000đ.

Số tiền 71.420.000đ, chị M thỏa thuận sẽ trả cho chị vào ngày 29 hàng tháng từ vào số tiền chị Lê Thị Ngọc H còn nợ chị M để cấn trừ. Từ ngày 29/9/2022 đến ngày 29/11/2022 chị đã nhận từ chị H 03 lần bằng 9.000.000đ nên còn lại 62.420.000đ.

Chị D yêu cầu anh H1, chị M hoàn trả số tiền hụi còn nợ là 62.420.000đ.

- *Tại bản khai ngày 16/12/2022, anh Đào Duy H1 trình bày:* Liên quan đến số tiền 71.420.000đ theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Diễm . Anh thống nhất ý kiến của chị M, đồng ý trả chị D số tiền 71.420.000đ, do bận công việc anh xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Cẩm M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, số tiền 153.660.000đ chị khởi kiện yêu cầu chị H trả là tiền vay, chị đồng ý cấn trừ số tiền 15.000.000đ mà chị D nhận từ chị H (3.000.000đ/tháng) để trừ vào số tiền 71.420.000đ như chị D, chị H trình bày. Không đồng ý miễn tính tiền lãi cho phía vợ chồng chị H, anh G.

Ý kiến của chị H: Số tiền 153.660.000đ chị M khởi kiện yêu cầu thực chất đây là tiền hụi, do quá lâu nên chị M kết sổ lại vào ngày 15/5/2016 chị còn nợ tiền hụi là 153.660.000đ, đây là tiền nợ hụi chết chị phải trả vì chị M là chủ hụi phải đóng thay hàng tháng để giao lại các hụi viên đến kỳ hốt hụi. Tính đến ngày hôm nay, chị đã trả chị D nhận 05 lần bằng 15.000.000đ nên còn nợ lại chị M 138.660.000đ, yêu cầu được miễn trả lãi.

Chị Nguyễn Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập và xác định chị đã nhận số tiền 15.000.000đ từ chị H để cấn trừ vào số tiền 71.420.000đ theo thỏa thuận giữa chị với chị D và chị M; vợ chồng anh H1, chị M chỉ còn nợ tiền hụi bằng 56.420.000đ (71.420.000đ - 15.000.000đ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét chị Nguyễn Thị Cẩm M yêu cầu chị Lê Thị Ngọc H hoàn trả số tiền vay, chị D có yêu cầu phản tố buộc chị M, anh H1 trả tiền hụi còn nợ, chị M anh H1 và chị H có nơi cư trú thuộc huyện B nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Xét anh Đào Duy H1, anh Biện Văn G có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh H1, anh G là đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị M theo Giấy mượn nợ ngày 15/5/2016, chị H cho rằng số tiền tranh chấp 153.660.000đ là tiền hụi, được chị M ghi trong sổ hụi (ngày 20/9al/2021) giao lại cho chị. Tuy nhiên, nội dung biên nhận không thể hiện nợ tiền hụi, của dây hụi nào hay là tiền vay, chị M không thừa nhận tiền hụi, ngoài ra chị H cung cấp giấy xác nhận lời khai của người làm chứng là ông Lương Hiếu T, ông Nguyễn Phước A là người biết chị H còn tiền hụi chị M nhưng những người này cũng không tham chơi hụi chung do chị M làm chủ hụi, qua đối chất chị H xác định do chị nói lại nên nhưng người này biết. Do vậy chưa đủ chứng cứ chứng minh số tiền đang tranh chấp là tiền hụi.

Xét hợp đồng vay của số tiền 153.660.000đ, không thỏa thuận lãi suất, đây là hợp đồng vay không kỳ hạn, tính đến ngày 15/5/2016 chị M có yêu cầu trả nợ, do chị H, anh G chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 4 Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005. Cụ thể, số tiền lãi chị H, anh G phải trả chị M được tính như sau: 79 tháng (từ ngày 15/5/2016 đến ngày 15/12/2022) x 0,75%/tháng x 153.660.000đ = 91.043.550đ. Tổng số tiền gốc và lãi là 244.703.550đ.

[2.2] Xét yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị D; chị M, anh H1 thống nhất hoàn trả số tiền do chị D góp hụi sống và tiền hốt hụi nhưng chị M, anh H1 giao trả chưa đủ bằng 71.420.000đ nên đây là tình tiết chị D không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thỏa thuận giữa chị D, chị H và chị M về việc cấn trừ số tiền 71.420.000đ vào số tiền chị H, anh G còn nợ chị M 153.660.000đ. Tại phiên tòa, Mơ thống nhất khấu trừ 15.000.000đ chị H đã trả thay cho chị D nhận là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm M, anh Đào Duy H1 *(bao gồm án phí phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận 9.711.300đ)*, chị Lê Thị Ngọc H3, anh Biện Văn G phải nộp án phí theo quy định tại 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Chị Nguyễn Thị D không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 471, Điều 473 và Điều 474 Bộ luật dân sự 2005.

Áp dụng các điều 357, 463, 466, 470, 471, 468 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 18, Điều 23 và Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường.

Điều 144, Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm M.

Buộc chị Lê Thị Ngọc H và anh Biện Văn G có nghĩa vụ hoàn trả chị Nguyễn Thị Cẩm M số tiền còn nợ bằng 229.703.500đ *(hai trăm hai mươi chín triệu bảy trăm lẽ ba nghìn năm trăm đồng).*

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Diễm .

Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm M và anh Đào Duy H1 có nghĩa vụ hoàn trả chị Nguyễn Thị D số tiền hụi còn nợ bằng 56.420.000đ *(năm mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm M và anh Đào Duy H1 phải nộp 3.306.500đ *(ba triệu ba trăm lẽ sáu nghìn năm trăm đồng).*

Số tiền án phí phải chị M, anh H1 phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.840.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013918 ngày 21/11/2022, chị M được nhận lại số tiền 533.500đ *(năm trăm ba mươi ba nghìn năm trăm đồng)* tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

3.2. Buộc chị Lê Thị Ngọc H và anh Biện Văn G phải nộp 11.485.100đ *(mười một triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn một trăm đồng).*

3.3. Hoàn trả chị Nguyễn Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.560.500 đ *(một triệu năm trăm sáu mươi nghìn năm trăm đồng)* theo biên lai thu số 0014000 ngày 04/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi Tòa tuyên án có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN		**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
		(Đã ký)
Trương Văn Ánh	**Lê Minh Thư**	**Nguyễn Văn Mười Hai**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Tân;
- Các đương sự: 03;
- CCTHADS huyện Bình Tân;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Mười Hai